

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08 – 01 – 2025
V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH C

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Dương.

Ông Hà Bảo Hiền.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh C.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2024 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày: Bà và ông Nguyễn Minh Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn R, huyện N, tỉnh C vào ngày 27/02/2013. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cãi nhau rất nhiều lần dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, mất đi tình nghĩa vợ chồng. Bà và ông Đ đã ly thân hơn 04 tháng nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có 02 người con chung tên Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 20/10/2011 và Nguyễn Minh Chấn V, sinh ngày 06/5/2019. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông Nguyễn Minh Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tại phiên toà, bà H có mặt, bà vẫn bảo lưu quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim H khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Minh Đ, địa chỉ: Khóm 4, thị trấn R, huyện N, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ông Nguyễn Minh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tuy nhiên ông Đ vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông Đ tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Minh Đ tự nguyện chung sống vào năm 2011, và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn R, huyện N, tỉnh C theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 27/02/2013, do đó hôn nhân giữa bà H và ông Đ là hợp pháp. Bà H trình bày trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, vợ chồng không còn tình cảm nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Ông Đ đã được Toà án tổng đạt thông báo về việc bà H xin ly hôn, tuy nhiên ông Đ vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản hồi. Mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông Đ là thực tế có xảy ra. Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến ngày xét xử bà H và ông Đ vẫn không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng lại với nhau. Xét thấy, hôn nhân của bà H và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim H đối với ông Nguyễn Minh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà H và ông Đ có 02 người con chung tên Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 20/10/2011 và Nguyễn Minh Chấn V, sinh ngày 06/5/2019. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, ông Đ đã được Toà án thông báo về yêu cầu giải quyết việc nuôi con của bà H, tuy nhiên ông không có ý kiến phản hồi. Tại Đơn nguyện vọng ngày 27/8/2024 cháu Minh Kh có nguyện vọng được sống cùng với bà H. Mặt khác, từ khi bà H và ông Đ ly thân đến nay, cháu Minh Kh và Chấn V do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống cũng như để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường về mọi mặt của các con nên cần giao cháu Nguyễn Minh Kh và Nguyễn Minh Chấn V cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con theo luật định.

[4] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Kim H phải nộp 300.000 đồng. Bà H đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015189 ngày 23 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với ông Nguyễn Minh Đ.

Về con chung: Giao 02 người con chung tên Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 20/10/2011 và Nguyễn Minh Chấn V, sinh ngày 06/5/2019 cho bà Nguyễn Thị Kim H tiếp tục nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu xem xét.

Ông Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của bà H.

Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Kim H phải nộp 300.000 đồng. Bà H đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015189

ngày 23 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh C;
- UBND TT. Rạch Gốc, huyện N;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Dung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Bảo Hiền

Bùi Ngọc Dung

Cao Thị Dung

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh C;
- UBND xã Tân Ân Tây, huyện N;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Dung